

## フェンシング競技組合せ表

## 【 成年男子フルーレ 】

1回戦（各プール2チーム上がり）

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
埼玉県	1	■							
石川県	2		■						
岩手県	3			■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
鹿児島県	1	■								
東京都	2		■							
奈良県	3			■						
岐阜県	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
大阪府	1	■								
愛知県	2		■							
秋田県	3			■						
富山県	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
大分県	1	■								
福井県	2		■							
群馬県	3			■						
島根県	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
山口県	1	■								
和歌山県	2		■							
青森県	3			■						
沖縄県	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
千葉県	1	■								
徳島県	2		■							
長崎県	3			■						
三重県	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
京都府	1	■								
福岡県	2		■							
山形県	3			■						
鳥取県	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
長野県	1	■								
北海道	2		■							
佐賀県	3			■						
愛媛県	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
山梨県	1	■								
宮崎県	2		■							
広島県	3			■						
兵庫県	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
香川県	1	■								
栃木県	2		■							
福島県	3			■						
岡山県	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
静岡県	1	■								
宮城県	2		■							
神奈川県	3			■						
熊本県	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
茨城県	1	■								
新潟県	2		■							
滋賀県	3			■						
高知県	4				■					

※V：団体勝数 VI：個人勝数 TD：突数 TR：被突数 PL：順位

# フェンシング競技組合せ表

## 【 成年男子フルーレ 】

2回戦（各プール2チーム上がり）

①

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

②

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

③

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

④

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

⑤

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

⑥

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

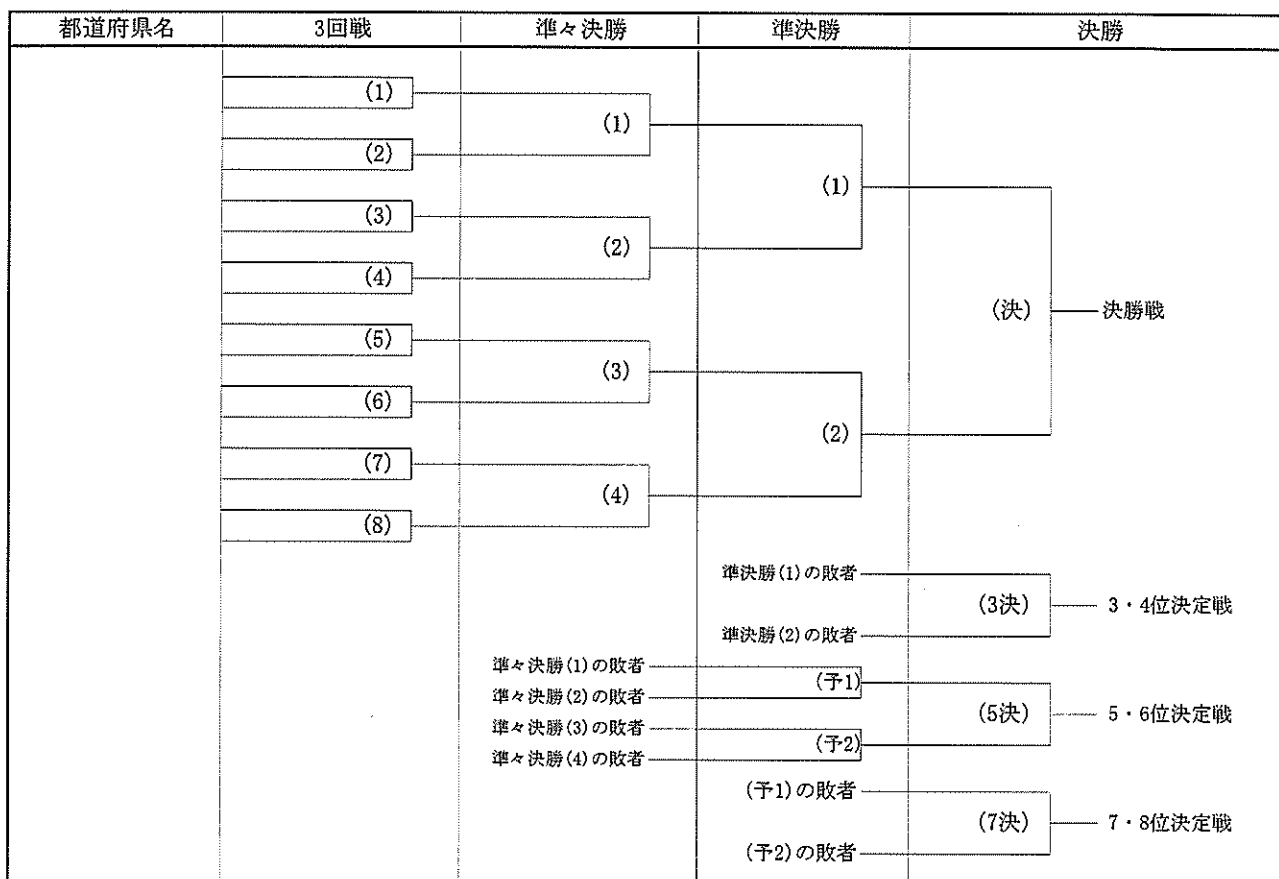
⑦

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

⑧

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

※V：団体勝数    VI：個人勝数    TD：突数    TR：被突数    PL：順位



# フェンシング競技組合せ表

## 【 成年女子フルーレ 】

1回戦 (各プール2チーム上がり)

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
1	岐阜県	1							
	千葉県	2							
	山形県	3							

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
2	岡山県	1							
	秋田県	2							
	富山県	3							

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
3	福井県	1							
	群馬県	2							
	鹿児島県	3							

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
4	愛媛県	1							
	埼玉県	2							
	和歌山県	3							

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
5	北海道	1							
	大阪府	2							
	香川県	3							

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
6	長崎県	1							
	東京都	2							
	京都府	3							

2回戦 (各プール2チーム上がり)

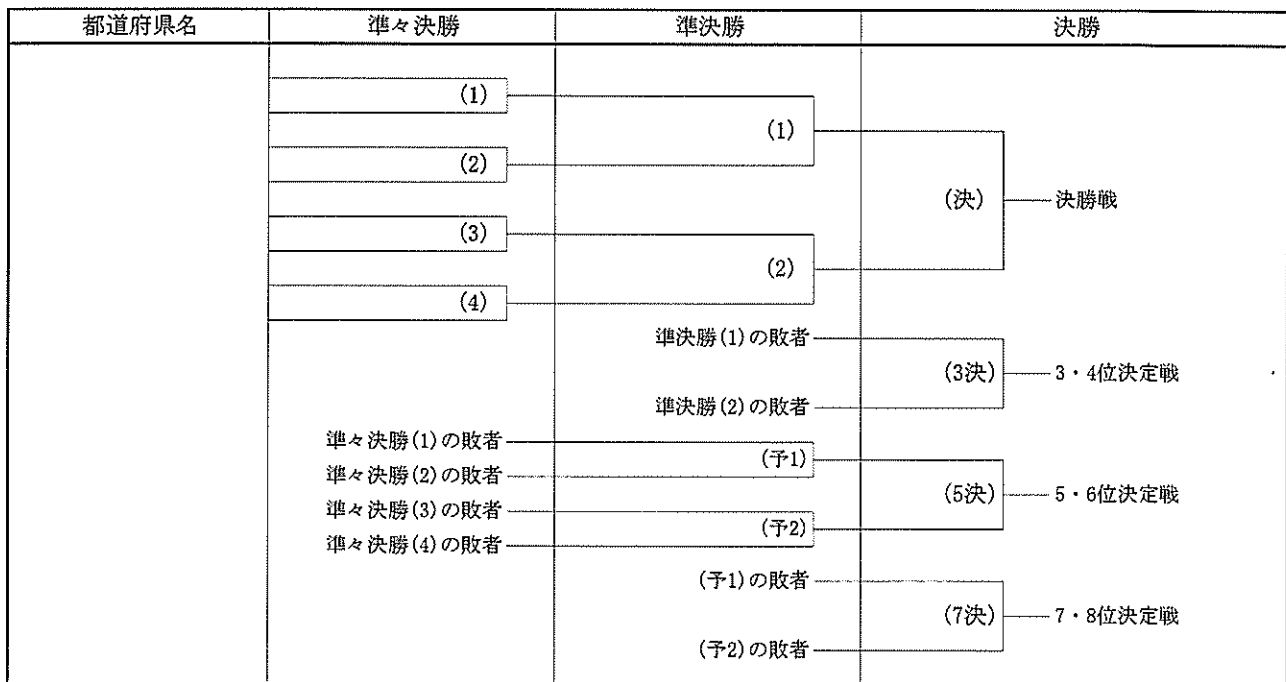
都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
①		1							
		2							
		3							

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
②		1							
		2							
		3							

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
③		1							
		2							
		3							

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
④		1							
		2							
		3							

※V：団体勝数    TD：突数    TR：被突数    PL：順位



# フェンシング競技組合せ表

## 【 少年男子フルーレ 】

1回戦 (各プール2チーム上がり)

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
1 大分県	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
2 東京都	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
3 京都府	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
4 和歌山県	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
5 長野県	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
6 岐阜県	1								
	2								
	3								

2回戦 (各プール2チーム上がり)

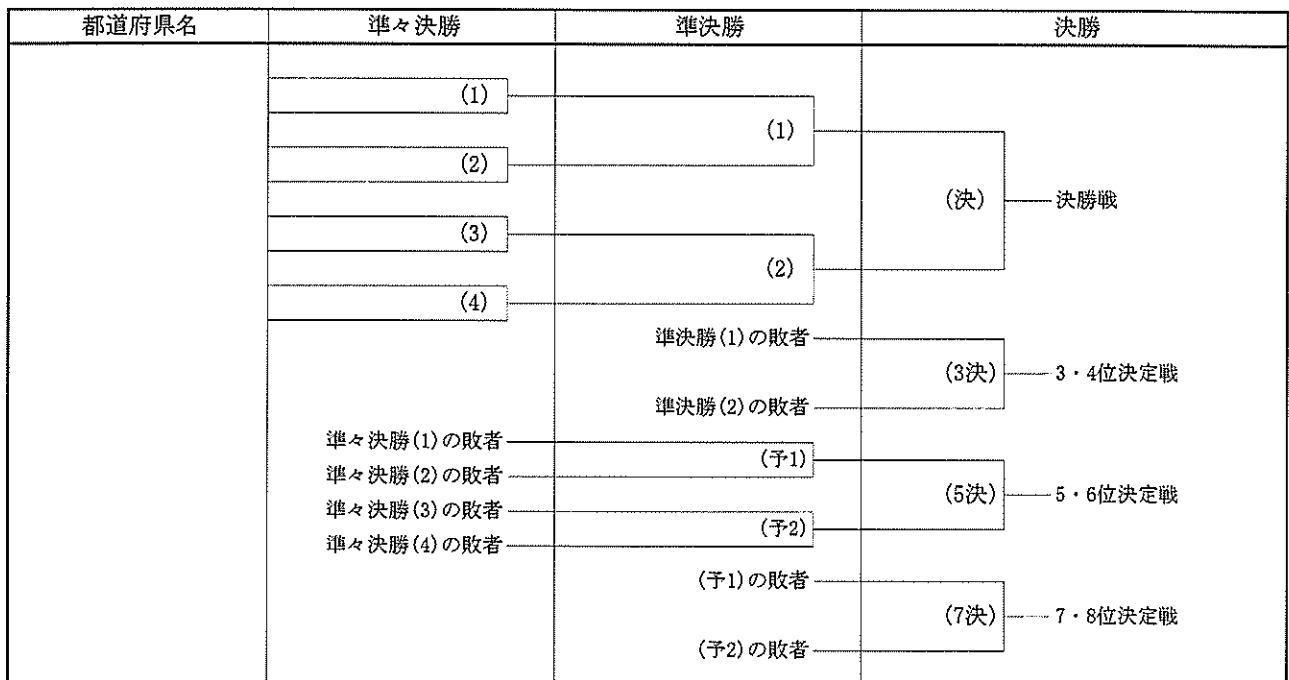
都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
①	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
②	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
③	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
④	1								
	2								
	3								

※ V : 団体勝数    VI : 個人勝数    TD : 突数    TR : 被突数    PL : 順位



# フェンシング競技組合せ表

## 【 少年女子フルーレ 】

1回戦 (各プール2チーム上がり)

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
和歌山県	1								
1 大分県	2								
長野県	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
岡山県	1								
2 佐賀県	2								
東京都	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
秋田県	1								
3 愛媛県	2								
北海道	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
三重県	1								
4 群馬県	2								
島根県	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
福井県	1								
5 岐阜県	2								
宮城県	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
京都府	1								
6 青森県	2								
埼玉県	3								

2回戦 (各プール2チーム上がり)

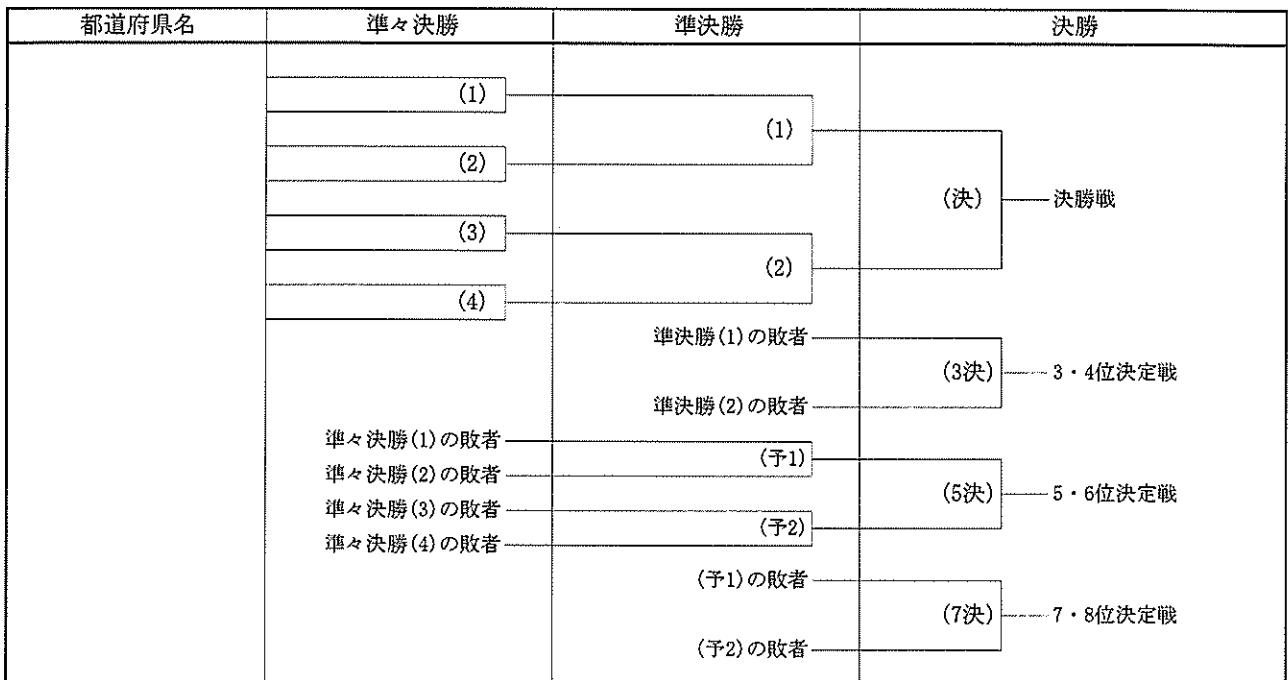
都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
①	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
②	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
③	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
④	1								
	2								
	3								

※ V : 団体勝数    VI : 個人勝数    TD : 突数    TR : 被突数    PL : 順位



# フェンシング競技組合せ表

## 【 成年女子エペ 】

1回戦 (各プール2チーム上がり)

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
長崎県	1								
埼玉県	2								
和歌山県	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
京都府	1								
群馬県	2								
鹿児島県	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
千葉県	1								
岡山県	2								
愛媛県	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
富山県	1								
岐阜県	2								
香川県	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
東京都	1								
北海道	2								
秋田県	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
大阪府	1								
山形県	2								
福井県	3								

2回戦 (各プール2チーム上がり)

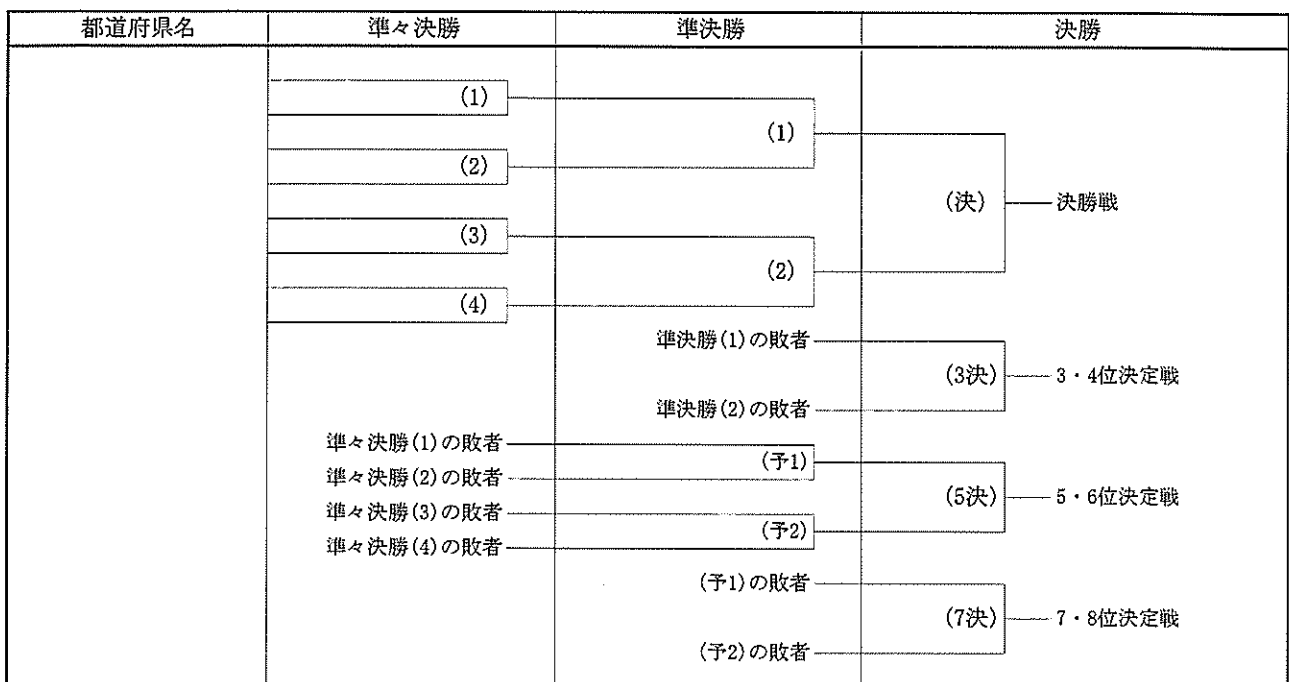
都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

※V：団体勝数    VI：個人勝数    TD：突数    TR：被突数    PL：順位



## フェンシング競技組合せ表

## 【 成年男子サーブル 】

1回戦 (各プール2チーム上がり)

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
1 福岡県	1	■							
	2		■						
	3			■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
2 長野県	1	■								
	2		■							
	3			■						
	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
3 兵庫県	1	■								
	2		■							
	3			■						
	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
4 石川県	1	■								
	2		■							
	3			■						
	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
5 滋賀県	1	■								
	2		■							
	3			■						
	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
6 群馬県	1	■								
	2		■							
	3			■						
	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
7 茨城県	1	■								
	2		■							
	3			■						
	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
8 千葉県	1	■								
	2		■							
	3			■						
	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
9 富山県	1	■								
	2		■							
	3			■						
	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
10 大阪府	1	■								
	2		■							
	3			■						
	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
11 栃木県	1	■								
	2		■							
	3			■						
	4				■					

都道府県名	No.	1	2	3	4	V	VI	TD	TR	PL
12 京都府	1	■								
	2		■							
	3			■						
	4				■					

※V : 団体勝数    VI : 個人勝数    TD : 突数    TR : 被突数    PL : 順位

## フェンシング競技組合せ表

### 【 成年男子サーブル 】

2回戦（各プール2チーム上がり）

①

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

②

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

③

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

④

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

⑤

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

⑥

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

⑦

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

⑧

都道府県名	No.	1	2	3	V	VI	TD	TR	PL
	1								
	2								
	3								

※V：団体勝数　VI：個人勝数　TD：突数　TR：被突数　PL：順位

